

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2020/DS-ST

Ngày 22-6-2020

“Về tranh chấp HĐ vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Quốc Tiến.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Lê Thị Vân.

Ông Trần Văn Nhị.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thu Hường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

Ngày 22 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 64/2020/TLST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2020/QĐXXST-DS, ngày 11 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Phạm Lê Thanh T, sinh năm 1973. Địa chỉ: Nguyễn Thanh C, Phường 2, thành phố T, tỉnh Long An. (có mặt)

*Bị đơn:* Bà Dương Thị Ngọc X, sinh năm 1990 và ông Đinh Nhựt T1, sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp 4, xã M, huyện T, tỉnh Long An. (có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 02 năm 2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Phạm Lê Thanh T trình bày:* Từ năm 2015 đến năm 2017 bà T cho ông T và bà X vay nhiều lần với lãi suất là 2%/ tháng và 3%/tháng. Thời hạn vay không xác định, khi nào cần lấy lại tiền thì bà T thông báo, tính đến ngày 24-7-2017 thì bà X và ông T còn nợ bà T 240.000.000 đồng. Sau nhiều lần ông T và bà X hứa trả nhưng không thực hiện nên bà T có gửi đơn đến UBND xã M nhờ giải quyết. Ngày 03-3-2019, Tổ hòa giải ấp 4 xã M tiến hành hòa giải, vợ chồng bà X ông T đồng ý trả bà T số tiền 286.000.000 đồng, mỗi tháng trả 2.000.000 đồng nhưng sau đó bà X và ông T không trả đúng theo thỏa thuận mà chỉ trả được 18.000.000 đồng rồi không trả nữa. Do đó bà T khởi kiện bà X và ông T, tại phiên tòa bà T yêu cầu bà X và ông T trả số tiền vay còn nợ là 268.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền gốc vay 240.000.000 đồng tính từ ngày 30-3-2019 đến ngày giải quyết vụ án theo mức lãi xuất là 1,5%/tháng.

*Tại Tờ tự khai ghi ngày 11 tháng 6 năm 2020 và tại phiên tòa, bị đơn là bà Dương Thị Ngọc X và ông Đinh Nhật T1 trình bày:* Từ đầu năm 2015 đến năm 2017 bà X và ông T có vay tiền của bà T nhiều lần tổng số tiền là 300.000.000 đồng, lãi suất vay 2%/tháng và 3%/ tháng. Thời hạn vay không xác định, khi nào cần lấy lại tiền thì bà T thông báo cho ông T và bà X biết. Đến ngày 24-7-2017, bà X và ông T ký cam kết xác định số tiền mượn của bà T là 240.000.000 đồng, bà X và ông T trả lãi theo mức lãi xuất 2%/tháng đến tháng 3 năm 2018 thì ngưng vì làm ăn thất bại nên không còn khả năng. Khi Tổ hòa giải của ấp 4, xã M hòa giải thì bà X và ông T đồng ý trả cho bà T 286.000.000 đồng, trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng. Do dịch bệnh không làm ra tiền nên bà X và ông T trả được 18.000.000 đồng rồi ngưng. Nay bà X và ông T đồng ý trả cho bà T là 268.000.000 đồng, đề nghị bà T không tính lãi và cho trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Tại phiên tòa các đương sự không thỏa thuận được.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện, bà Phạm Lê Thanh T yêu cầu bà Dương Thị Ngọc X và ông Đinh Nhật T1 thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay, do đó quan hệ pháp luật mà các bên tranh chấp là hợp đồng vay tài sản. Căn cứ vào Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An có thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về yêu cầu trả tiền của nguyên đơn: Theo tài liệu do nguyên đơn cung cấp và lời trình bày của các đương sự xác định từ năm 2015 đến năm 2017, bà X và ông T có vay tiền của bà T nhiều lần tổng cộng là 300.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng và 3%/ tháng. Ngày 24-7-2017, bà X và ông T ký giấy cam kết xác định số tiền còn mượn của bà T là 240.000.000 đồng và hứa trả đúng hạn, sau đó do làm ăn thất bại nên bà X và ông T không trả nợ. Ngày 03-3-2019, Tổ Hòa giải của ấp 4 - xã M tiến hành hòa giải theo đơn của bà T, kết quả bà X và ông T thừa nhận nợ bà T tiền gốc và lãi là 286.000.000 đồng, bà T đồng ý cho bà X và ông T trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng, bà X và ông T trả được 18.000.000 đồng thì không trả nữa nên phát sinh tranh chấp. Như vậy do bà X và ông T vi phạm nghĩa vụ trả tiền vay nên bà T khởi kiện yêu cầu bà X và ông T trả nợ là có cơ sở phù hợp với quy định tại quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự nên chấp nhận.

[3] Về trả lãi, trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa bà T, bà X và ông T xác định trong số tiền 268.000.000 đồng có 240.000.000 đồng tiền gốc và 28.000.000 đồng tiền lãi. Bà T yêu cầu tính lãi của số tiền gốc vay từ ngày 30-3-2019 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 1,5%/tháng, còn bà X và ông T đề nghị bà T không tính lãi và cho trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng nhưng bà T không đồng ý. Xét thấy hợp đồng vay giữa các bên có thỏa thuận về lãi suất

nhưng mức lãi các bên thỏa thuận cao hơn lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Bà X và ông T trình bày sau khi vay có trả tiền lãi đầy đủ cho bà T nhưng không có tài liệu chứng minh cụ thể số tiền vay, thời gian tính lãi và số tiền lãi đã trả cho bà T để xem xét. Khi bà T gửi đơn yêu cầu và được đưa ra hòa giải ở cơ sở thì bà X và ông T đồng ý trả nên xác định tiền vay đã đến hạn trả. Bà X và ông T được bên cho vay cho trả dần nhưng không trả đầy đủ, nay bà T yêu cầu bà X và ông T trả lãi từ ngày 30-3-2019 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 1,5%/tháng là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự nên chấp nhận. Cụ thể số tiền lãi bên bà X và ông T phải trả từ ngày 30-3-2019 đến ngày 22-6-2020 (ngày xét xử sơ thẩm) là  $(240.000.000 \text{ đồng} \times 1,5\%/\text{tháng}) \times 14 \text{ tháng} = 53.040.000 \text{ đồng}$ . Như vậy tổng số tiền vay bà X và ông T phải trả cho bà T là 321.040.000 đồng.

Bà X và ông T đề nghị bà T cho trả dần nhưng bà T không đồng ý, do pháp luật không có quy định nào khác để cho trả dần nên không có căn cứ để cho bà X và ông T được trả dần.

[4] Hợp đồng vay giữa bà T với bà X và ông T không thỏa thuận về việc trả lãi khi chậm thực hiện nghĩa vụ, do đó kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án (bà X và ông T) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác theo hướng dẫn tại điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm”.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bà X và ông T phải liên đới chịu toàn bộ tiền án phí là 16.052.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

#### QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Áp dụng các điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự.

Tuyên xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Lê Thanh T đối với bà Dương Thị Ngọc X và ông Đinh Nhựt T1 về hợp đồng vay tài sản.

Buộc Bà Dương Thị Ngọc X và ông Đinh Nhựt T1 phải cùng liên đới trả cho bà Phạm Lê Thanh T số tiền vay và lãi là 321.040.000 (Ba trăm hai mươi một triệu không trăm bốn mươi ngàn) đồng.

2- Từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án (bà X và ông T) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Dương Thị Ngọc X và ông Đinh Nhựt T1 phải liên đới chịu 16.052.000 (Mười sáu triệu không trăm năm mươi hai ngàn) đồng.

Bà Phạm Lê Thanh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà T 8.100.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp ngày 05-3-2020 theo biên lai thu số 0007018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

4- Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22-6-2020).

5- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Quốc Tiến**